

**CÔNG TY TNHH NỘI THẤT BMA VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NỘI THẤT BMA VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BMA VIET NAM FURNITURE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: BMA VINAFUNI CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110045229

**3. Ngày thành lập:** 29/06/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 6, ngách 17, ngõ 281 Trương Định, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02423739988

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4330     |
| 4.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4610     |
| 5.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4641     |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao.                                                                                                                                                                   | 4649     |
| 7.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4651     |
| 8.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4652     |
| 9.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác | 4659     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 10. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(Trừ kinh doanh vàng miếng và vàng nguyên liệu)                                                                                                                                                                                                            | 4662        |
| 11. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                           | 4663(Chính) |
| 12. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh, cao su; Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy; | 4669        |
| 13. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                         | 8230        |
| 14. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá<br>- Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu.                                                                                                                        | 8299        |
| 15. | Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da                                                                                                                                                                                                                                                             | 9523        |
| 16. | Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự                                                                                                                                                                                                                                             | 9524        |
| 17. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Thiết kế kiến trúc cảnh quan, thiết kế nội thất, đánh giá kiến trúc công trình, thẩm tra thiết kế kiến trúc;<br>- Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát về phòng cháy và chữa cháy;                            | 7110        |
| 18. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết:<br>Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác;<br>Hoạt động trang trí nội thất.                                     | 7410        |
| 19. | Sản xuất thảm, chăn, đệm                                                                                                                                                                                                                                                                          | 1393        |
| 20. | Sản xuất các loại dây bện và lưới                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1394        |
| 21. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                                                                                                                    | 1410        |
| 22. | Sản xuất sản phẩm từ da lông thú                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1420        |
| 23. | Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú                                                                                                                                                                                                                                                     | 1511        |
| 24. | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm                                                                                                                                                                                                                                    | 1512        |
| 25. | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1610        |
| 26. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                                                                                                                                                                 | 1621        |
| 27. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1622        |
| 28. | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1623        |
| 29. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện                                                                                                                                                                                                          | 1629        |
| 30. | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1701        |
| 31. | Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa                                                                                                                                                                                                                                               | 1702        |

|     |                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 32. | Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh                                                                                                                                                                   | 2013 |
| 33. | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh                                                                                                                                                 | 2023 |
| 34. | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                                                                                                           | 2220 |
| 35. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                                                                                       | 2591 |
| 36. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                           | 2592 |
| 37. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn                                                                             | 2599 |
| 38. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                        | 4791 |
| 39. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng)                                                                                                        | 4799 |
| 40. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                                                  | 8121 |
| 41. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                                                                      | 8129 |
| 42. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                                  | 8130 |
| 43. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                          | 3100 |
| 44. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                | 3320 |
| 45. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                  | 4321 |
| 46. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                   | 4752 |
| 47. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                            | 4753 |
| 48. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                | 4759 |
| 49. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                       | 4771 |
| 50. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ, đồng hồ, kính mắt, máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh. | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: BÙI ĐẮC BÌNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 04/02/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 033085000814

Ngày cấp: 29/04/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 6, ngách 17, ngõ 281 Trương Định, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 6, ngách 17, ngõ 281 Trương Định, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội